

Bài 9

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. BỐI CẢNH QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

1. Đặc điểm của thời đại ngày nay

Thời đại là một giai đoạn tương đối dài của lịch sử, được xác định trên cơ sở phân kỳ lịch sử phát triển xã hội loài người thành các hình thái xã hội khác nhau¹. Thời đại được hiểu là giai đoạn lịch sử của xã hội loài người tương ứng với một hình thái xã hội hay quá độ từ hình thái xã hội này sang hình thái xã hội khác.

Mỗi thời đại có thể được phân kỳ thành các giai đoạn lịch sử cụ thể hơn, ngắn hơn, dựa trên những tiêu chí nhất định, gọi là các *giai đoạn của thời đại*.

Có nhiều cách phân chia lịch sử thành các hình thái xã hội theo những cách khác nhau. Tuy nhiên có hai cách tiếp cận phổ biến nhất là:

1. Phân biệt với khái niệm "thời đại" trong ngành lịch sử như "thời đại đồ đá cũ", "thời đại đồ đá mới"...

- Cách tiếp cận "nền văn minh" dựa trên tính chất nhất định của lực lượng sản xuất. Theo cách này, lịch sử đã trải qua hai thời đại là "văn minh nông nghiệp" và "văn minh công nghiệp" và hiện nay đang bước vào thời đại "văn minh hậu công nghiệp".

- Cách tiếp cận "hình thái kinh tế - xã hội" của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên đặc điểm của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cùng với kiến trúc thượng tầng chính trị - xã hội tương ứng.

Theo cách tiếp cận "hình thái kinh tế - xã hội" của chủ nghĩa Mác - Lênin, hiện nay lịch sử loài người đã trải qua bốn hình thái kinh tế - xã hội là xã hội cộng sản nguyên thủy, xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến và xã hội tư bản chủ nghĩa và hiện nay đang trong thời đại quá độ từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Khi nghiên cứu về mỗi thời đại, cần làm rõ một số đặc điểm sau đây:

- Đặc điểm của các phương thức sản xuất và sự biến đổi, thay thế địa vị lẫn nhau (phân tích cả hai mặt: lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất) trong thời đại.

- Những mâu thuẫn xã hội cơ bản của thời đại¹.

- Những xu hướng lớn của thời đại.

- Những vấn đề nổi bật của thời đại (bao gồm cả những vấn đề tự nhiên, những vấn đề về con người và hoàn cảnh, môi trường sống của họ...).

1. Mâu thuẫn là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Khi nghiên cứu các giai đoạn của thời đại, cần làm rõ biểu hiện của những đặc điểm trên trong các giai đoạn đó. Đặc biệt, cần chú ý so sánh đặc điểm của các giai đoạn với nhau.

Thời đại của lịch sử xã hội loài người theo quan niệm trên có thể phân thành hai loại: Thời đại thống trị của một hình thái kinh tế - xã hội và thời đại quá độ từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác. Trong thời đại thống trị của một hình thái kinh tế - xã hội, chỉ có *một phương thức sản xuất thống trị*, còn các phương thức sản xuất khác đều là những phương thức bị chi phối. Trong thời đại quá độ thì có ít nhất hai phương thức sản xuất song song tồn tại, cùng chi phối đời sống xã hội, nhưng không có phương thức sản xuất nào có địa vị thống trị tuyệt đối. Đó là thời đại đan xen giữa "cái cũ" và "cái mới", giữa phương thức sản xuất đã từng thống trị nhưng không còn thống trị nữa và phương thức sản xuất mới hoặc những nhân tố của nó đã ra đời nhưng chưa thắng thế hoàn toàn.

Theo cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội, thời đại ngày nay, tức là thời đại lịch sử mà chúng ta đang sống, là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Nhưng hiện nay chưa có chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản - nên *thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*.

Là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội nên thời đại ngày nay phải chứa đựng những đặc điểm cơ bản sau:

- Đặc điểm lớn nhất của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa tư bản vẫn còn tồn tại¹, chủ nghĩa xã hội hay những nhân tố của nó đã ra đời, ngày càng phát triển nhưng chưa thắng thế hoàn toàn và luôn luôn phải đấu tranh với chủ nghĩa tư bản. Do đó:

+ Mâu thuẫn chung nhất của thời đại này là *mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội*, hay giữa chủ nghĩa tư bản với những nhân tố xã hội chủ nghĩa.

+ Xu hướng lớn nhất của thời đại ngày nay là sự tiến lên của lịch sử theo chiều hướng tiến bộ và chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định điều này: "*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*"².

Ở các giai đoạn khác nhau của thời đại, các đặc điểm trên biểu hiện dưới các hình thức và mức độ khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn này chủ nghĩa tư bản thắng thế, nhưng ở giai đoạn khác chủ nghĩa xã hội có thể thắng thế hoặc ở giai đoạn khác nữa là sự cùng tồn tại hòa bình của các chế độ xã hội khác nhau... Cũng tùy theo giai đoạn mà tiềm

1. Chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì những mâu thuẫn cơ bản của nó cũng còn tồn tại (mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất tư nhân của quan hệ sản xuất; mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân...).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.69.

năng phát triển của chủ nghĩa tư bản ở trình độ nào. Nếu chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển thì những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó vẫn tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội loài người...

- Một trong những đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển không ngừng của khoa học, kỹ thuật, kéo theo đó là quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa cùng sự phát triển của kinh tế tri thức.

Ưu thế của chủ nghĩa tư bản so với chế độ phong kiến là nó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Điều này tất yếu dẫn đến quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất và đời sống xã hội... Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không những không hạn chế sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, quá trình quốc tế hóa mà còn thúc đẩy sự phát triển chúng lên bước mới. Chính vì vậy, *một trong những đặc điểm lớn của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa.*

Những đặc điểm và xu hướng của thời đại biểu hiện khác nhau trong mỗi giai đoạn của nó.

2. Đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay

Giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay là khoảng thời gian từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX (sau khi thế giới trải qua những biến động chính trị - xã hội to lớn -

bước chuyển từ *giai đoạn trước* của thời đại sang *giai đoạn hiện nay* của thời đại ngày nay). Với việc xác định như vậy, giai đoạn này có những đặc điểm¹ sau:

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ (điểm mới của giai đoạn hiện nay so với giai đoạn trước là vai trò của công nghệ thông tin, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ).

- Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới² biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển (trong giai đoạn này, biểu hiện của các mâu thuẫn cơ bản không gay gắt mà ngầm ngấm, ít bộc lộ ra ngoài...)

- Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt... Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn³ (trong khi một trong những xu hướng lớn của giai đoạn trước là sự phân cực và chiến tranh lạnh...).

- Chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển; khủng hoảng kinh tế, xã hội, chính trị tiếp tục xảy ra; chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục, nhưng còn gặp

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 67-69.

2. Các mâu thuẫn của thời đại ngày nay.

3. Một biểu hiện của xu thế chủ nghĩa xã hội của thời đại.

nhiều khó khăn; các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiếp tục phát triển thông qua cải cách, đổi mới...

- Cục diện thế giới đa cực hình thành ngày càng rõ nét (thay cho cục diện hai cực của giai đoạn trước)¹.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng tiềm ẩn nhân tố bất ổn định.

- Nhân dân thế giới đang đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu cấp bách như: môi trường, biến đổi khí hậu, bùng nổ dân số, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, tội phạm...

- Nhiều tình thế trong thế giới biến đổi nhanh, phức tạp và khó lường, cả về môi trường thiên nhiên (biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên,...) lẫn các biến cố xã hội (cả kinh tế, tài chính và chính trị, xã hội...).

Giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay sẽ tiếp tục kéo dài trong vài thập niên tới. Những đặc điểm của giai đoạn hiện nay sẽ tiếp tục tồn tại và chắc chắn có sự biến đổi ở mức độ nhất định; nhiều đặc điểm có sự gia tăng về quy mô, mức độ. Từ những đặc điểm trên có thể dự báo bối cảnh thế giới trong thời gian 5, 10 năm tới, ngoài những đặc điểm chung cho cả giai đoạn hiện nay, còn một số đặc điểm đáng lưu ý²:

+ Sự phối hợp giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trong việc giải quyết các xung đột, tranh chấp, ứng phó với thảm

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.183.

2. Xem: *Sđd*, tr.95-98, 182-184.

họa thiên nhiên, biến đổi khí hậu, kể cả các vấn đề xã hội như tội phạm, chiến tranh, khủng bố...

+ Quan hệ hợp tác của khu vực Đông Nam Á đạt bước phát triển mới.

+ Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trở thành yêu cầu của các quốc gia.

+ Con người và tri thức trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

+ Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế thay đổi; xuất hiện những liên kết mới; diễn ra quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và thể chế tài chính toàn cầu; khủng hoảng còn để lại hậu quả nặng nề, chủ nghĩa bảo hộ trở lại; sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn...

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a) Tính tất yếu và đặc điểm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh nghiên cứu chủ nghĩa xã hội từ lập trường của một người yêu nước đi tìm đường giải phóng dân tộc và xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Người tiếp thu quan điểm của những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, nhưng khai thác những nét độc đáo, cụ thể về chủ nghĩa xã hội như:

- Sự thống nhất biện chứng giữa giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (trong đó có giải phóng giai cấp) và giải

phóng con người. Đó chính là mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản.

- Giá trị đạo đức, giá trị nhân đạo, nhân văn, việc giải quyết tốt quan hệ giữa cá nhân với xã hội theo quan điểm: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người (được nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*).

- Quan hệ biện chứng của văn hóa với chính trị, kinh tế: Quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là quá trình xây dựng nền văn hóa mới, kết tinh, kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế.

Hồ Chí Minh nghiên cứu chủ nghĩa xã hội thông qua thực tiễn lịch sử, các phong trào hiện thực. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin khi chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực trên đất nước Nga. Người đã sống và tham gia vào quá trình xây dựng xã hội mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga, do đó có những quan sát và kiểm nghiệm nhận thức của mình qua thực tiễn đó.

Hồ Chí Minh quan niệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là tuân theo quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau. Độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là một điều kiện bảo đảm vững chắc, đồng

thời là mục tiêu cho độc lập dân tộc hướng tới. Hồ Chí Minh coi đó là "một cuộc chiến đấu chống lại những cái đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi".

Hồ Chí Minh đã nói về bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, một vấn đề lý luận chính trị phức tạp bằng ngôn ngữ của cuộc sống, mộc mạc, dung dị và rất dễ hiểu. Quan niệm tổng quát của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội là một *chế độ xã hội* bao gồm các mặt rất phong phú, hoàn chỉnh, trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do. Mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người; là để "nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"¹.

Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo quan niệm Hồ Chí Minh có một số điểm chủ yếu sau đây:

- *Đó là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ.* Nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân, vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Mọi quyền lực trong xã hội đều tập trung trong tay nhân dân. Nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất để làm chủ nước nhà. Nhân dân là người quyết định vận mệnh cũng như sự phát triển của đất nước dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.161.

chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

- *Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.* Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất phát triển với nền tảng phát triển khoa học - kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại.

- *Chủ nghĩa xã hội là chế độ không còn người bóc lột người.* Khi đạt đến trình độ phát triển cao, một chế độ hoàn chỉnh, chín muồi, trong chủ nghĩa xã hội sẽ không còn áp bức, bóc lột, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đó là một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

- *Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức.* Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là sự tổng hợp một hệ thống giá trị điều chỉnh các quan hệ xã hội. Đó là độc lập, tự do, bình đẳng, công bằng, dân chủ, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị... trong đó có

những giá trị tạo tiền đề, có giá trị hạt nhân. Đó là một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tất cả những giá trị cơ bản này là mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội. Để đạt được một xã hội hoàn chỉnh như thế cần trải qua một quá trình phấn đấu khó khăn, gian khổ, lâu dài, dần dần và không thể nôn nóng.

b) Quan điểm Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh chỉ rõ giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng là cần đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau.

Mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội cũng như mục tiêu phấn đấu của Người là độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân; là "làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"¹.

Khi nói về các mục tiêu cụ thể của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập rất sinh động và linh hoạt.

Khi Người trả lời một cách trực tiếp: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.161.

là: *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*, trước hết là nhân dân lao động"¹. Người diễn giải mục tiêu tổng quát này thành các tiêu chí cụ thể: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"².

Có khi Người nói một cách gián tiếp, tuy không nhắc đến chủ nghĩa xã hội, nhưng đề cập đến nội dung bản chất nhất của chủ nghĩa xã hội. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"³.

Từ những cách đề cập khác nhau, Hồ Chí Minh đã xác định mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội:

- *Mục tiêu chính trị*: Xác lập chế độ chính trị do nhân dân lao động làm chủ, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, luôn luôn đi đôi với nhau. Một

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr. 271, 591.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, tr. 512.

mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân; mặt khác, Người yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện. Phát huy vai trò của các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng. củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ chức năng của chúng.

- *Mục tiêu kinh tế*: Theo Hồ Chí Minh, chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội chỉ được bảo đảm và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành, chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, trong đó "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế". Phải kết hợp các loại lợi ích kinh tế. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán, một trong những hình thức quan trọng của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

- *Mục tiêu văn hóa - xã hội*: Là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội. Đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng,

phát triển văn hóa, nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu...

Bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là "phải xã hội chủ nghĩa về nội dung". Để có một nền văn hóa như thế phải phát huy vốn quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chí Minh nhắc nhở phải làm cho phong trào văn hóa có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. Trong khi đáp ứng mặt giải trí thì không được xem nhẹ nâng cao tri thức của quần chúng. Người luôn luôn nhắc nhở phải làm cho văn hóa gắn liền với lao động sản xuất.

- *Mục tiêu xây dựng con người*: Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất của công cuộc xây dựng xã hội mới chính là con người. Trong lý luận xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết đến mặt tư tưởng. Người cho rằng: *Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa*. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Coi đạo đức là gốc, Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến việc trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng. Người rất quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã

hội, nhưng phải gắn liền với đạo đức. Tất cả mọi người đều phải luôn luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đức, vừa có tài, vừa "hồng", vừa "chuyên".

Để thực hiện những mục tiêu đó, cần phát hiện những động lực và những điều kiện bảo đảm cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, những động lực đó biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh khẳng định, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nông cốt là công - nông - trí thức.

Để phát huy nhân tố con người, phải thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ; chăm lo bồi dưỡng sức dân. Người cho rằng, không có chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng), Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Người đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ

luật, pháp luật; sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương tới địa phương.

Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội. Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển thì sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định và là hạt nhân trong hệ động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, ngoài các nguồn lực bên trong còn có các nguồn lực bên ngoài và phải kết hợp nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới... Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rất rõ nội lực là yếu tố quyết định nhưng ngoại lực là rất quan trọng.

Chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh lưu ý, cảnh báo cần ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có

sức hấp dẫn. Đó là tệ tham ô, lãng phí, quan liêu... mà Người gọi đó là "giặc nội xâm".

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đều khẳng định để đi lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ và chỉ rõ vị trí lịch sử, nhiệm vụ đặc thù của nó trong quá trình vận động, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Con đường thứ nhất là con đường quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản phát triển ở trình độ cao. Con đường thứ hai là quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những nước trình độ phát triển còn thấp, nền kinh tế lạc hậu, chưa trải qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định *con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội*. Như vậy, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính ở

nội dung này, Hồ Chí Minh đã vận dụng và làm phong phú thêm lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, đặc điểm lớn nhất khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với các mâu thuẫn của nó. Cần đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

b) Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Đây là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai con đường, hai xu hướng phát triển trong điều kiện mới. Nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ, so sánh lực lượng trong nước và quốc tế đã có những biến đổi, v.v. là những điều kiện thuận lợi. Do còn có rất nhiều khó khăn từ sản xuất nhỏ đi lên; vì vậy, phải áp dụng toàn diện các hình thức đấu tranh, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn:

Một là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.

Hai là, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài. Tính chất phức tạp và khó khăn đó được Người lý giải trên các điểm sau:

Thứ nhất, đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau.

Thứ hai, đây là công việc hết sức mới mẻ đối với Đảng ta nên phải vừa làm, vừa học để tránh những vấp vấp, thiếu sót. Xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn, phức tạp hơn đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong hoàn cảnh luôn luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách ngăn cản, chống phá.

Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ

quan, đốt cháy giai đoạn. Vấn đề cơ bản là phải xác định đúng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần tự từng bước, từ thấp đến cao. Vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi năng lực lãnh đạo mang tính khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận động xã hội, lại phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.

c) Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự nghiệp cách mạng mang tính toàn diện. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

- Trong lĩnh vực chính trị

Nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Mối quan tâm lớn nhất của Người về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, làm mất lòng tin của dân, cắt đứt mối quan hệ máu thịt với nhân dân. Để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở dưới nhiều hình thức có thể dẫn đến nguy cơ sai lầm về đường lối.

Nội dung chính trị quan trọng là củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cần củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- Nội dung kinh tế

Hồ Chí Minh đề cập trên các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đối với cơ cấu kinh tế, Hồ Chí Minh đề cập cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ.

Người quan niệm hết sức độc đáo về cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người đặc biệt chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo, vừa tạo điều kiện không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào, vừa bảo đảm an ninh, quốc phòng cho đất nước.

Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế. Cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước cần đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ nó phát triển. Đối với người làm nghề thủ công và

lao động riêng lẻ khác, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác. Đối với những nhà tư sản công thương đã tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có đóng góp nhất định trong khôi phục kinh tế và sẵn sàng tiếp thu, cải tạo để góp phần xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng "công tư hợp doanh", một hình thức của tư bản nhà nước.

Về quan hệ phân phối và quản lý kinh tế, Hồ Chí Minh cho rằng quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất.

Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Gắn liền với nguyên tắc phân phối theo lao động, Hồ Chí Minh đề cập vấn đề khoán trong sản xuất. Người viết: "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng...; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.341.

- Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội

Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới. Đặc biệt, Người đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học - kỹ thuật trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hóa, chính trị, kỹ thuật và "chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận". Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong đời sống xã hội.

d) Biện pháp đi lên chủ nghĩa xã hội

Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình phổ biến, có tính quy luật trên thế giới. Vì vậy, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Học tập những kinh nghiệm của các nước tiên tiến nhưng không được sao chép, máy móc, giáo điều. Hồ Chí Minh cho rằng: Việt Nam có thể làm khác Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác vì Việt Nam có điều kiện cụ thể khác.

Hai là, việc xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện cụ thể, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Trong khi nhấn mạnh hai nguyên tắc trên, Hồ Chí Minh lưu ý vừa chống việc xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, quá tuyệt đối hóa cái riêng, những đặc điểm của dân tộc, vừa chống máy móc, giáo điều khi áp dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin mà không tính đến những điều kiện lịch sử - cụ thể của đất nước và của thời đại.

Phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là: *dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng*. Việc xác định các bước đi phải luôn luôn căn cứ vào các điều kiện khách quan quy định: *"Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"*.

Thực chất tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội là không "đốt cháy giai đoạn", chủ quan, duy ý chí, mà phải tiến vững chắc từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế.

Coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho xã hội.

Hồ Chí Minh đã gợi ý nhiều phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, Người đã chỉ đạo một số cách làm cụ thể sau đây:

- Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

- Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau ở hai miền Nam - Bắc trong phạm vi một quốc gia.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp, đặc biệt là quyết tâm (chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi) để thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra.

- Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là đem của dân, tài dân, sức dân, làm lợi cho dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của nhân dân.

III. VỀ XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh, từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, Đảng ta đã nhận thức ngày càng rõ hơn những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Bắt đầu từ Đại hội VII (tháng 6-1991), Đảng ta đã khái quát các đặc

trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Đại hội X và XI của Đảng đã bổ sung, phát triển các đặc trưng trên.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã khái quát sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu (quan hệ sản xuất dựa trên "chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu" chính là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa).

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới¹.

Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới, trên nền Cương lĩnh năm 1991, Đại hội X đã bổ sung và phát triển, nêu lên tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổd*, t.51, tr.15-16.

Một là, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh (đây là đặc trưng mới mà Cương lĩnh năm 1991 chưa đề cập; sự bổ sung phản ánh yêu cầu diễn đạt chủ nghĩa xã hội một cách khái quát, ngắn gọn, dễ hiểu nhất).

Hai là, do nhân dân làm chủ (so với Cương lĩnh năm 1991, bỏ cụm từ "lao động" cho đúng với thực tế khi đã xây dựng về cơ bản chủ nghĩa xã hội).

Ba là, có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (so với Cương lĩnh năm 1991, bỏ cụm từ: "dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu" và thay bằng cụm từ mới "quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất" nhằm tránh sự hiểu lầm, xuyên tạc về đường lối kinh tế của Đảng ta. Cách diễn đạt này không trái với Cương lĩnh năm 1991 vì quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất hiện đại trong điều kiện nền kinh tế phát triển cao chính là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa).

Bốn là, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện (so với Cương lĩnh năm 1991, bỏ cụm từ "bóc lột" xuất phát từ thực tế khi kết thúc thời kỳ quá độ và do khái niệm "bóc lột" còn có ý kiến khác nhau).

Sáu là, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ (so với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung thêm cụm từ "tương trợ").

Bảy là, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (đặc trưng này chưa được đề cập trong Cương lĩnh năm 1991; sự bổ sung thể hiện nhận thức rất mới của Đảng ta về nhà nước xã hội chủ nghĩa).

Tám là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, về số lượng, Đại hội X bổ sung thêm hai đặc trưng mới của xã hội xã hội chủ nghĩa và sửa đổi một số ý trong sáu đặc trưng nêu trong Cương lĩnh năm 1991. Đó là bước phát triển mới của Đảng trong nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội XI tiếp tục bổ sung, hoàn thiện thêm nội dung các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, gồm:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh (so với Đại hội X, đưa "dân chủ" lên trước "công bằng" cho phù hợp về lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa dân chủ và công bằng);

- Do nhân dân làm chủ;

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp (thay đổi so với Đại hội X trong cách diễn đạt về quan hệ sản

xuất nhằm khẳng định quả quyết hơn về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa khi kết thúc thời kỳ quá độ để tránh khả năng có quan hệ sản xuất phù hợp mà không phải xã hội chủ nghĩa);

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện (so với Đại hội X, bỏ cụm từ "con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công" cho phù hợp với thực tế khi kết thúc thời kỳ quá độ);

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển (so với Đại hội X, bổ sung thêm các cụm từ "tôn trọng" và "phát triển" vì đây là những vấn đề rất quan trọng trong quan hệ dân tộc hiện nay);

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới (so với Đại hội X có thay đổi cho phù hợp với xu thế trong thực tiễn quan hệ đối ngoại của nước ta với các nước trên thế giới, không bó hẹp trong quan hệ đối ngoại chỉ với nhân dân các nước).

Đại hội khẳng định, để xây dựng được xã hội với các đặc trưng trên phải tiến hành một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau.

2. Phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Đó là đặc điểm cơ bản nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Nhận thức của Đảng về các quá trình này ngày càng hoàn chỉnh hơn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII nêu bảy phương hướng cơ bản:

"Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân".

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân".

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ

nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ

nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới".

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta¹.

Trên cơ sở bảy phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nêu trong Cương lĩnh năm 1991, Đại hội X đã sắp xếp lại, điều chỉnh, bổ sung thành tám quá trình tất yếu phải thực hiện ở nước ta.

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội.

Bốn là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.51, tr. 135-136.

Năm là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Sáu là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Bảy là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia.

Tám là, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế¹.

Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội XI đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. So với Cương lĩnh năm 1991 và Đại hội X, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã hoàn chỉnh và sắp xếp lại thứ tự các phương hướng cơ bản như sau:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hoá. Trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, công nghiệp hoá phải kết hợp ngay từ đầu với hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.69.

Đây là bước phát triển mới về lý luận của Đảng ta trong quá trình đổi mới. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình đó đòi hỏi phải:

- Phát triển các thành phần kinh tế; các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, v.v. giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

- Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Văn hoá là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội. Để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phải lấy văn hoá làm nền tảng tinh thần. Cần tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong điều kiện mới, tình hình mới, cần nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm an ninh quốc gia ngày nay bao gồm: an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội. Bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới...

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu khách quan đang lôi cuốn nhiều nước tham gia. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Chủ động về đường lối, chính sách, bước

đi trong hội nhập. Tích cực chuẩn bị vươn lên tham gia mạnh mẽ hơn, đầy đủ hơn vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại hội XI bổ sung cam kết nước ta là "thành viên có trách nhiệm" của các tổ chức quốc tế mà chúng ta tham gia.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu và bản chất của chế độ ta. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Phát huy dân chủ gắn liền với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội X, Đại hội XI đều xác định đại đoàn kết toàn dân tộc vừa là nguồn lực chủ yếu để xây dựng xã hội mới, vừa là nhân tố quyết định đảm bảo thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nhà nước pháp quyền là sự tiến bộ của nhân loại, trong đó có đặc điểm nổi bật là đảm bảo quyền tối cao của pháp luật. Nhà nước pháp quyền ở nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Văn kiện Đại hội XI xác định xây dựng Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay là xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước; xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát các cơ quan công quyền; tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp; tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong điều kiện hiện nay, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là "nhiệm vụ then chốt", có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.